TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 25/2019/DSPT
Ngày 18-11-2019
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: ông Phạm Trung Thực.

Các thẩm phán: ông Trương Quang Tú và bà Vũ Thị Nga.

- Thư ký phiên toà: ông Nguyễn Việt Cường - Thư ký viên chính Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hưng Yên *tham gia phiên tòa:* bà Hoàng Thị Ngọc Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2019, tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Hưng Yên mở phiên toà xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2019/TLPT- DS ngày 01/7/2019, về tranh chấp quyền sử dụng đất là lối đi chung. Do bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DSST ngày 20/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Mỹ bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 28/2019/QĐ - PT ngày 17 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà **Mai Thị C** – SN 1940 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: Thôn ÔT, thị trấn YM, huyện YM, tỉnh HY

- Người đại diện theo ủy quyền: anh **Nguyễn Văn S** – SN 1975 (có mặt);

Địa chỉ: số 29, đường DL, phường SD, quận HB, Tp HP

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà C*: ông **Đặng Văn S1**, ông **Hoàng Văn T** – Luật sư Văn phòng luật sư Đặng S và Cộng sự. (Có mặt ông S, vắng mặt ông T).

Địa chỉ: Số 31, ngõ 192, TT, YS, HM, HN.

2. Các bị đơn:

- Vợ chồng ông **Đặng Công N** – SN 1958; và bà **Nguyễn Thị H** – SN 1961;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Hằng: Ông **Đặng Công N**;

- Vợ chồng ông Đặng Văn T – SN 1957 và bà Hoàng Thị P – SN 1961;
- Vợ chồng ông Nguyễn Thế Đ – SN 1965 và bà Đỗ Thị T – SN 1966;
- bà **Nguyễn Thị T** – SN 1973;

Đều có địa chỉ: Thôn ÔT, thị trấn YM, huyện YM, tỉnh HY;

(Tất cả các bị đơn đều vắng mặt).

3. Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3. 1. anh **Nguyễn Chí L** – SN 1960 *(có mặt);*

Địa chỉ: 114A , CMC, P. 8, TP VT, tỉnh BRVT.

3.2. anh **Nguyễn Trọng H** – SN 1961 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: Số nhà 146, đường PL, phường VM, Q. NQ – Tp HP.

3.3. chị **Nguyễn Thị Y** – SN 1963 *(có mặt);*

Địa chỉ: Số nhà 54, NK, TT KC, KC, HY;

3.4. chị **Nguyễn Thị O** – SN 1967 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: Ngã 3 LR, NL, TL, YM, HY.

3.5. anh **Nguyễn Văn Á** – SN 1972 *(vắng mặt);*

Địa chỉ: 564, đường LVL, ấp 3, PK, Q. NB, TP HCM.

3.6. anh **Nguyễn Văn S** – SN 1975 (có mặt);

Địa chỉ: số 29, đường DL, phường SD, quận HB, tp HP

- *Người đại diện theo ủy quyền của chị O, chị Y, anh H1, anh Á*: anh **Nguyễn Văn S** – SN 1975 *(có mặt)*

3.7. Ủy ban nhân dân thị trấn Yên Mỹ,

Người đại diện theo pháp luật: ông **Ngô Quang Th** – Chủ tịch UBND thị trấn Yên Mỹ;

Người đại diện theo ủy quyền: ông **Trương Văn H** – Chức vụ: Phó chủ tịch UBND thị trấn Yên Mỹ (vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn bà Mai Thị C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Văn S, ông Nguyễn Chí L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện của nguyên đơn và các lời khai của đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Văn Strình bày:

Gia đình bà Mai Thị C có 01 căn nhà được xây từ năm 1880, trên thửa đất tại xóm Đình, Thôn ÔT, thị trấn YM, huyện YM, tỉnh HY. Căn nhà trên có 02 lối đi; một lối đi riêng dài 33 m, rộng 3 m đi ra ngõ cổng đình làng, vừa là đường đi vừa là nơi thoát nước mưa và một lối đi sang ngõ Xóm Lấp. Năm 1979, do cuộc sống khó khăn, gia đình bà C tạm thời xây bịt cổng chính làm nơi chăn nuôi tăng thêm thu nhập. Đến năm 2014 gia đình bà C có điều kiện tu sửa lại và mở lại lối đi đã xây bịt tạm năm 1979 thì phát hiện lối đi này đã bị vợ chồng ông Đặng Công N và bà Nguyễn Thị H, vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Hoàng Thị P, vợ chồng ông Nguyễn Thế Đ và bà Đỗ Thị T1 và bà Nguyễn Thị T2 trong quá trình xây dựng đã lấn sang lối đi riêng của gia đình bà C có chiều dài 33m, rộng 1,3m. Gia đình bà C đã làm đơn gửi UBND thị trấn YM giải quyết tranh chấp nhưng không có kết quả. Vì vậy bà C làm đơn khởi kiện yêu cầu TAND huyện YM giải quyết:

Xác nhận ngõ đi có chiều dài 33.54m x3 =100.62m^2 là ngõ đi riêng của gia đình bà Mai Thị C, buộc:

- Vợ chồng ông Đặng Công N phải tháo dỡ công trình xây dựng và trả bà C phần đất có diện tích 1.3m x 12.48m = 16.2m^2.

- Bà Nguyễn Thị T2 phải phải tháo dỡ công trình xây dựng và trả gia đình bà C phần đất có diện tích 1.3m x 2.55m = 2.9 m^2.

- Vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Hoàng Thị P phải phải tháo dỡ công trình xây dựng và trả gia đình bà C phần đất có diện tích 1.3m x 8.36m = 10.86m2.

- Vợ chồng ông Nguyễn Thế Đ và bà Đỗ Thị T1 phải tháo dỡ công trình xây dựng và trả gia đình bà C phần đất có diện tích 1.3m x 10.4m = 13.5m^2.

Các bị đơn: Vợ chồng ông Đặng Công N và bà Nguyễn Thị H, vợ chồng ông Đặng Văn T và bà Hoàng Thị P, vợ chồng ông Nguyễn Thế Đ và bà Đỗ Thị T1 và bà Nguyễn Thị T2 không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị C và đều xác định nguồn gốc ngõ đi mà bà C khởi kiện là ngõ đi chung của các hộ gia đình bà C, ông N, ông T, bà T1 và ông Đ. Nguồn gốc ngõ đi có từ lâu đời, trong quá trình các gia đình sửa chữa cải tạo xây dựng mới vẫn xây trên nền móng cũ không lấn sang ngõ đi chung.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: anh Nguyễn Chí L, anh Nguyễn Trọng H1, chị Nguyễn Thị Y, chị Nguyễn Thị O, anh Nguyễn Văn Á và anh Nguyễn Văn S nhất trí với yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị C.

Quan điểm của UBND thị trấn YM xác định ngõ đi mà bà Mai Thị C khởi kiện yêu cầu TAND huyện YM giải quyết là ngõ đi chung của các gia đình bà C, ông N, ông Đ, ông T, bà T1 và UBND thị trấn là người quản lý, nguồn gốc ngõ đi chung có từ lâu đời các hộ gia đình trên sử dụng đã lâu, trong quá trình sử dụng không hộ gia đình nào phải nộp thuế sử dụng đất đối với diện tích ngõ đi đó. Phần diện tích đất ở các hộ gia đình sử dụng theo bản đồ đo đạc các thời kỳ và nộp thuế là riêng biệt không liên quan đến ngõ đi. Trong quá trình sử dụng không có hộ gia đình nào xây dựng công trình lấn sang ngõ đi chung.

Tại biên bản làm việc ngày 17/10/2018 của TAND huyện YM với tất cả các ban ngành đoàn thể, địa chính thị trấn, lãnh đạo UBND thị trấn và các trưởng phó thôn, bí thư chi bộ thôn ÔT, qua các thời kỳ đều xác định như quan điểm của của UBND thị trấn đã trình bày.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản Hội đồng định giá kết luận:

+ Từ đầu lối đi đến hết địa phận nhà ông Nn 3m x 12.48m = 37.44m^2(đơn giá 11.000.000đ/m^2), thành tiền = 411.840.000đ;

+ Lối đi từ nhà bà T2 đến hết nhà ông Đ 3m x 21.06m = 63.18m^2 (đơn giá 7.000.000đ/m^2), thành tiền =442.260.000đ.

Tổng chiều dài và diện tích ngõ đi là: 33.54m x 3m =100.62m^2 trị giá (442.260.000 đ + 411.840.000đ) = 854.100.000đ (phần nguyên đơn yêu cầu xác định là lối đi riêng);

Phần ngõ đi vợ chồng ông N lấn ra theo yêu cầu khởi kiện: 12.48m x 1.3m = 16.2m^2, giá tiền 11.000.000đ/m^2 = 178.200.000đ; công trình xây dựng 3 tầng đang xây dựng vợ chồng ông N đang xây trị giá 497.176.152đ.

Phần ngõ đi bà T2 lấn ra theo yêu cầu khởi kiện: 2.25m x 1.3m = 2.9m^2 , giá tiền 7.000.000đ/m^2 = 20.300.000đ; công trình xây dựng trụ cổng và sân lát gạch trên đất trị giá 3.871.396đ

Phần ngõ đi vợ chồng ông T lấn ra theo yêu cầu khởi kiện: 8.36m x 1.3m = 10.85m^2 , giá 7.000.000 đ/m^2, thành tiền = 75.950.000 đ; công trình xây dựng trên phận đất này bao gồm: trụ cổng, sân gạch, tường bao, nhà vệ sinh, nhà tắm, bể nước...có trị giá 24.920.000đ.

Phần ngõ đi vợ chồng ông Đ lấn ra theo yêu cầu khởi kiện: 10.45m x 1.3m = 13.5m^2, giá 7.000.000đ/m^2, thành tiền = 94.500.000 đ; công trình xây dựng trên phần đất này bao gồm: Trụ cổng gạch, cổng gỗ, nhà vệ sinh, nhà tắm, bể nước tổng trị giá: 21.257.674đ.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS- ST ngày 20/5/2019, TAND huyện Yên Mỹ đã quyết định:

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm c khoản 1 Điều 39; và Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 166, 179, 202 và Điều 203 Luật đất đai; Điều 164 và Điều 166 Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án, xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị C yêu cầu xác định ngõ đi có diện tích 100.86m^2 thuộc quyền sử dụng riêng của hộ gia đình bà C và buộc vợ chồng ông N phải phá dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm và trả phần đất có diện tích 16.2m2; bà T2 phải phá dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm và trả phần đất có diện tích 2.9m^2; vợ chồng ông Tài phải phá dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm và trả phần đất có diện tích phải trả 10.85m^2 ; vợ chồng ông Đ phải phải phá dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm và trả phần đất có diện tích 13.5m^2 lấn vào ngõ đi riêng của gia đình bà C.

Xác định ngõ đi có diện tích 1.71m x 33.54m = 57.353m^2 là ngõ đi chung của các hộ gia đình ông Đ, ông T, bà T2, ông N và bà C.

(Phần lối đi chung của các hộ gia đình và phần lối đi theo yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị C bị TAND huyện YM bác yêu cầu có sơ đồ kèm theo)

Ngoài ra bản án còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 27/5/2019, bà Mai Thị C, anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Chí L kháng cáo toàn bộ nội dung bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa hôm nay, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng thời là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh S, anh L vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Luật sư bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị hủy án sơ thẩm để giải quyết lại theo đúng quy định.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn phúc thẩm: Thẩm phán, HĐXX phúc thẩm, thư ký phiên tòa thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi liên quan chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình. Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh S và anh L, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng:

Các đương sự kháng cáo trong thời hạn luật định, đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm, vì vậy Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên thụ lý, giải quyết vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, vắng mặt các bị đơn và một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nhưng các đương sự đều đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai hoặc có

đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về đất tranh chấp:

Trên cơ sở lời khai của nguyên đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đứng về phía nguyên đơn; lời khai của bị đơn và cung cấp của chính quyền địa phương cùng các tài liệu có trong hồ sơ, xác định:

Theo bản đồ 299 năm 1982: diện tích đất của các hộ đang xảy ra tranh chấp như sau:

- Gia đình bà Mai Thị C thuộc thửa 367, tờ bản đồ số 5, diện tích 350m2.
- Gia đình ông Nguyễn Thế Đ là thửa 380, tờ bản đồ số 5, diện tích 101m2.
- Gia đình ông Đặng Văn T là thửa 403, tờ bản đồ số 5, đứng tên cụ Đặng Văn T3 (bố đẻ hiện đã chết) diện tích 220m2.
- Gia đình ông Đặng Công N là thửa 403A, tờ bản đồ số 5, đứng tên cụ Đỗ Thị T (mẹ đẻ hiện đã chết) diện tích 169m2.

Theo bản đồ năm 1992:

- Đất gia đình bà Mai Thị C tách thành hai thửa: thửa 226 đứng tên Nguyễn Văn S (con bà C), diện tích 171m2; thửa 227 đứng tên Nguyễn Chi L1g (chồng bà C), diện tích 191m2, đều thuộc tờ bản đồ số 9. Tổng diện tích là 362m2.
- Gia đình ông Nguyễn Thế Đ là thửa 224, tờ bản đồ số 9, diện tích 119m2.
- Gia đình ông Đặng Văn T là thửa 223, tờ bản đồ số 9, diện tích 232m2.
- Gia đình ông Đặng Công N là thửa 222, tờ bản đồ số 9, diện tích 155m2.

Theo bản đồ năm 2004:

- Đất gia đình bà Mai Thị C: hai thửa đứng tên Nguyễn Văn S, Nguyễn Chi L1 theo bản đồ 1992 được gộp thành thửa 233 diện tích 356m2; tờ bản đồ số 25.
- Gia đình ông Nguyễn Thế Đ là thửa 241, tờ bản đồ số 25, diện tích 129m2.
- Gia đình ông Đặng Văn T (đứng tên cụ Đặng Văn T3) được tách thành hai thửa: thửa 242 mang tên Đặng Văn T, tờ bản đồ số 25, diện tích 139m2; thửa 243 mang tên Đặng Văn T3, tờ bản đồ số 25, diện tích 88m2 (hiện do bà Nguyễn Thị T2 quản lý sử dụng).
- Gia đình ông Đặng Công N tách thành hai thửa: thửa 286, tờ bản đồ số 25, diện tích 56m2 mang tên Đặng Công N; thửa 244, tờ bản đồ số 25, diện tích 115m2 mang tên Đặng Văn S1.

Theo kết quả thẩm định tại chỗ ngày 24/7/2017 và sơ đồ kèm theo thể hiện: Hiện trạng có một lối đi chiều rộng tiếp giáp đường làng 1,7 mét; chiều dài 33,54 mét chạy qua các nhà ông Nguyên, bà T2, ông T, ông Đ, điểm cuối là nhà bà C chiều rộng 1,71 mét. Diện tích nhà bà C là 355m2, nhà ông Đ 122m2, nhà ông T 139,4m2; nhà bà T2 89,3m2; nhà ông N 55,8m2.

[2.2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu kháng cáo của bà C, anh S, anh L; Hội đồng xét xử nhận định:

Bà C cho rằng phần ngõ đi có chiều dài 33.54m, chiều rộng 3m, diện tích 100,62m2 là lối đi riêng của gia đình nguyên đơn, đồng thời yêu cầu các gia

đình ông Đ, ông N, bà T2, ông T phải trả lại diện tích ngõ đã lấn chiếm. Lời khai của nguyên đơn về ngõ đi riêng là không có cơ sở bởi lẽ:

Theo bản đồ 299 thì chỉ thể hiện có một lối đi nối với đường của làng đi qua các thửa đất số 380,403,403A và đấu vào thửa số 367 nhà bà C. Tuy nhiên, bản đồ và sổ mục kê kèm theo không thể hiện lối đi trên là của riêng bất cứ một gia đình nào trong ngõ. Hơn nữa, diện tích đất của gia đình bà C theo số đo hiện tại là 355m2 thì diện tích sử dụng đã tăng 5m2 so với bản đồ 299. Nếu tính cả phần diện tích ngõ đi theo yêu cầu của nguyên đơn sẽ không phù hợp và tăng lên rất nhiều so với số liệu được ghi trong bản đồ 299 năm 1982. Trên thực tế phần diện tích ngõ đi chưa hề được thể hiện vào diện tích của gia đình nhà bà C trong hồ sơ địa chính của thị trấn qua các thời kỳ. UBND thị trấn YM cũng xác nhận, gia đình bà C chỉ nộp thuế đất đối với diện tích 355m2, không có tài liệu chứng minh bà C nộp thuế đất cho diện tích ngõ đi hiện đang xảy ra tranh chấp.

Bên cạnh đó, phía nguyên đơn đưa ra nhân chứng là bà Ngô Thị A1, là người sử dụng thửa đất tiếp giáp nhà bà C (sau đó bà A1 bán cho bà M, và bà M bán lại cho vợ chồng ông Đ bà T1) và cho rằng: bà A1 được gia đình nguyên đơn cho đi nhờ ngõ. Song tại biên bản lấy lời khai do TAND quận Hoàng Mai, Hà Nội thực hiện theo ủy thác của Tòa YM thì bà A1 khẳng định, lối đi đang tranh chấp là lối đi chung của các hộ gia đình trong ngõ trong đó có nhà bà C (BL 199-201).

Mặt khác, tại các biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2004 có chữ ký của ông Nguyễn Chi L1 là chồng bà C (BL158) đã thể hiện: thửa đất nhà bà C, ông L1 là thửa số 233 diện tích 356m2, có hai lối đi vào thửa đất nhà bà C trong đó có lối đi đang xảy ra tranh chấp. Theo sơ đồ được vẽ trong biên bản, hai lối đi trên đều không nằm trong diện tích 356m2 của gia đình nguyên đơn. Ngoài ra, phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất theo dự án Vlap2014 có chữ ký của bà C (BL287) cũng không thể hiện lối đi trên là ngõ riêng nhà bà C theo yêu cầu khởi kiện. Và ngay tại thời điểm này, ông L1, bà C cũng không có ý kiến gì đối với lối đi trên sau khi cơ quan chức năng thực hiện việc đo đạc.

Phía bị đơn trình bày, ngõ đi hiện xảy ra tranh chấp là ngõ đi chung. Lời khai của các bị đơn là có cơ sở, phù hợp với các biên bản xác định ranh giới, mốc giới thửa đất năm 2004 của các hộ gia đình ông Đặng Văn T bà Hoàng Thị P, hộ ông Nguyễn Văn T4 bà Ngô Thị A1 (hiện thửa đất do vợ chồng ông Nguyễn Thế Đ, bà Đỗ Thị T1 sử dụng), hộ ông Đặng Công N bà Nguyễn Thị H, hộ ông Đặng Văn T3 bà Nguyễn Thị T5 (hiện do bà Nguyễn Thị T2 là con dâu sử dụng) là có một con đường đi qua các thửa đất trên và đấu vào thửa đất nhà bà C (BL số 227, 228, 231, 232). Phù hợp với phiếu xác nhận kết quả đo đạc đất năm 2014 theo dự án Vlap khi kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho các hộ gia đình trên địa bàn thị trấn. Phù hợp với kết quả xác minh và cung cấp của UBND thị trấn YM và lời khai của những người làm chứng là trưởng thôn, phó thôn, bí thư và phó bí thư chi bộ thôn Ông Tố qua các thời kỳ, cũng như đại diện các tổ chức đoàn thể của thị trấn YM xác định: Ngõ đi là lối đi chung của các hộ gia đình mà không phải ngõ riêng nhà bà C; không có bất cứ hộ gia đình nào phải nộp thuế đất trên phần đất là ngõ đi này. Đối với hiện

trạng ngõ đi, trong quá trình các hộ sử dụng và xây dựng không có việc xây lấn ra ngõ, UBND thị trấn là người quản lý ngõ đi này. Phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CA 405321 ngày 13/5/2015 do UBND huyện YM cấp cho ông Đặng Văn T, bà Hoàng Thị P: thể hiện nhà ông T bà P có đường đi tiếp giáp hai cạnh thửa đất (BL217).

Vì vậy có đủ căn cứ kết luận, lối đi đang tranh chấp giữa gia đình bà C và các hộ còn lại có chiều rộng tiếp giáp đường làng 1,7m; chiều rộng tiếp giáp nhà bà C 1,71m; chiều dài 33,54 mét, diện tích 57,1857m2 là lối đi chung của các hộ gia đình ông N, ông T, ông Đ, bà T2 và bà C. Yêu cầu khởi kiện của bà C xác định ngõ đi có chiều rộng 3m, dài 33,54m, diện tích 100.62m^2 thuộc quyền sử dụng riêng của hộ gia đình bà và buộc vợ chồng ông N phải trả 16.2m2 (*cấp sơ thẩm nhầm là 13.2m^2*); bà T2 phải trả 2.9m^2; vợ chồng ông T phải trả 10.85m^2; vợ chồng ông Đ phải trả 13.5m^2; yêu cầu các bị đơn phải tháo dỡ các công trình xây dựng trên đất lấn chiếm là không có cơ sở nên không được chấp nhận.

Tuy nhiên cấp sơ thẩm xác định lối đi chung có chiều rộng hai đầu bằng nhau là 1,71m dẫn đến diện tích lối đi chung không chính xác, cấp phúc thẩm sẽ điều chỉnh lại.

Kháng cáo của bà C, anh S, anh Lkhông có căn cứ nên không được chấp nhận.

Về án phí: Bà C là người cao tuổi nên miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, phúc thẩm cho bà C. anh Nguyễn Văn S, anh Nguyễn Chí L phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 164 và Điều 166 Bộ luật dân sự; Điều 166,179, 202 và Điều 203 Luật đất đai; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án, tạm ứng án phí, tạm ứng lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bà Mai Thị C, anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Chí L, sửa bản án dân sự sơ thẩm số 07/2019/DS - ST ngày 20/5/2019 của TAND huyện YM như sau:

- Xác định ngõ đi có diện tích 57.1857m^2 là ngõ đi chung của các hộ gia đình ông Nguyễn Thế Đ, ông Đặng Văn T, bà Nguyễn Thị T2, ông Đặng Công N và bà Mai Thị C.

- Bác yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị C về việc: Xác định ngõ đi có diện tích 100.86m^2 thuộc quyền sử dụng riêng của hộ gia đình bà C và buộc vợ chồng ông Đặng Công N bà Nguyễn Thị H phải phá dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm và trả phần đất có diện tích 16.2m2; bà Nguyễn Thị T2 phải phá dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm và trả phần đất có diện tích 2.9m^2; vợ chồng ông Đặng Văn T phải phá dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm và trả phần đất có diện tích 10.85m^2; vợ chồng ông Nguyễn Thế Đ

phải phải phá dỡ công trình xây dựng trên phần đất lấn chiếm và trả phần đất có diện tích 13.5m^2.

(Có sơ đồ kèm theo)

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí sơ thẩm và phúc thẩm dân sự cho bà Mai Thị C. Hoàn trả bà C số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 1.875.000đ đã nộp theo biên lai số 011712 ngày 11/4/2017 và 300.000đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu số 0002861 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện YM.

Anh Nguyễn Văn S và anh Nguyễn Chí L mỗi người phải chịu 300.000đ án phí phúc thẩm dân sự. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002860 ngày 28/5/2019, số 0002864 ngày 03/6/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện YM. Anh S và anh L đã nộp đủ.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Các thẩm phán		**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**
Vũ Thị Nga	**Trương Quang Tú**	**Phạm Trung Thực**

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Hưng Yên;
- Tòa án nhân dân h Yên Mỹ;
- Chi cục thi hành án dân sự h Yên Mỹ;
- Các đương sự;
- Luật sư;
- Lưu hồ sơ, VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Trung Thực